

## BẢN LUẬN 17

Nếu y theo đoạn văn đầu, thì quyển này giải thích ha mươi tám bài tụng trước, phân làm mười chín đoạn:

- 1.. Một bài tụng đầu làm một đoạn.
- 2.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.
- 3.. Một bài tụng tiếp theo làm một đoạn.
- 4.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.
- 5.. Mười bài tụng tiếp theo mỗi mỗi làm một đoạn (tức là mười đoạn).
- 6.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.
- 7.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.
- 8.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.
- 9.. Hai bài rưỡi tiếp theo làm một đoạn.
- 10.. Ba bài rưỡi tiếp theo làm một đoạn.

Nếu y theo nghĩa sau thì phần dưới có hai mươi tám bài tụng phân làm hai đoạn:

1. Mười lăm bài tụng đầu thuyết minh Giới tăng thượng .
2. Mười ba bài tụng sau thuyết minh Định tăng thượng.

“Phải phát thường cần tinh tấn”, là mặc giáp Tinh tấn. Kiên cố, là Gia hạnh. Dững mãnh, là không thoái chuyển. “Không nói Vô túc tinh tấn, vì luận này thuyết minh tu nhân, không nói quả kia, cho nên không nói không có các Tinh tấn sau”, là mặc giáp Gia hạnh, đối với thiện mới tu, một loại không thoái chuyển, đối với Khổ có thể nhẫn. Nhiếp thiện lìa Khổ, hai thứ này đã chu toàn. Lược bỏ không nói không có các Tinh tấn sau, cho nên chỉ nói ba loại Tinh tấn, như Du-già quyển 89 rộng nói năm tướng.

“Năm chi không Phóng dật”, là ba đời Tinh tấn làm ba chi. Khi ba đời khởi Cần sự tiền phương tiện, khởi Cực thù thắng sở tác trước kia và Gia hạnh tác ý là chi thứ tư, vì Tác ý và Tinh tấn làm đồng thời có. Chỗ hành đồng thời các Tâm, Tâm sở, thân ngữ nghiệp v.v... làm chi thứ năm.

“Công đức Đổ-đa”, tức là Cựu dịch Đầu-đà, tức là Thiểu dục tri túc, nghĩa là lìa chấp trước. Xa lìa quyến thuộc, Tham dục tức là phát lồ chúng ác, vì nhân theo Tham dục mà sinh, cho nên gọi là quyến thuộc. Xa lìa nhân của Đa dục bất tri túc, là đã được y phục v.v... thô hay diệu đều hoan hỷ. Xa lìa nhân của Đa dục bất tri túc chướng Tịnh học, là có chút ít tùy theo thế sự, thô tệ cũng tùy theo chuyển, gọi là lìa Đa dục.

Thọ công đức Đổ-đa làm Tịch mà lia Phiền não, gọi là lia nhân của Chương tịnh học.

“Vi tu Phạm hạnh giúp trì thọ mạng có chỗ thọ”, đây là giải thích nghĩa xứng với lượng mà thọ.

“Lấy chỗ đắc lợi để chuyển chiêu cảm lợi khác”, đây là giải thích đã đắc không khinh miệt hủy báng, hủy bỏ Sở đắc này thì có chút ít chuyển lại chiêu cảm nhiều lợi.

“Không thọ nơi Tín thí”, đây là tán không đam mê lợi dưỡng và cung kính, là tổng ý không chấp Ác kiến, là câu thứ hai. Không thọ thí hư vọng, là câu thứ nhất. Không hủy báng chánh pháp, là nửa bài tụng dưới. Văn sau đây cũng là tổng. “Sợ như người bị ghẻ bồng”, là kiên chấp Ác kiến, hư vọng thọ Tín thí, hủy báng chánh pháp, tham muốn Dục của đời sau mà sinh nhân của Ác kiến, năm loại này gọi là ung nhọt. Do thọ Tín thí mà đam mê lợi dưỡng và cung kính, là chỗ sinh của nhân.

“Chư ngoạ cụ tập cận thuận với Định”, là Biên tế ngoạ cụ, trong các ngoạ cụ là loại xấu kém nhất. Cực biên tế sau, do đây về sau có thể thuận sinh Tịch định. Hai câu từ không phải Trầm, Trạo v.v..., trở xuống như thứ tự giải thích kiên tinh tấn và dũng mãnh, đoạn hai ác, thiện. “Vì đối với các Thiệt phẩm sinh khởi Dục”, đây là giải thích sinh khởi Dục và không tăng thêm ác trong tụng. “Trong các Dục tăng thêm chán”, đây là giải thích không có Dục và tăng thêm ác. “Là tu thiện phẩm cho đến tập Thủy miên”, đây là giải thích Thủy miên ở trước, vì có kham nhậm và tâm an tịch, đúng thời thì ngủ, không đúng thời thì bỏ. Tương tự Hôn trầm cũng là Thủy miên này nhiếp. “Nếu tâm chìm lặng không ở trong tịnh”, ban đầu giải thích lia Thủy miên, vì tư duy tịnh diệu tướng của Quang minh, sau giải thích lia Trạo cử tu, tướng tự Trạo cử, du hành khát thực, khi hành lợi tha vì không ở trong Tịnh, hoặc không ở trong Tịnh cũng hiểu lia Thủy miên, hoặc có khi ở trong Tịnh tăng thêm Thủy miên. “Đối với chỗ phạm trước kia liền sinh ăn năn sám hối”, đây là giải thích Ác tác ở trước. “Đối với chỗ không phạm thì không có ăn năn sám hối”, đây là giải thích lia Ác tác. “Mãi về sau sinh tư lự hy vọng thù thắng”, đây là giải thích sinh tư lự hy vọng thù thắng, ngược lại là hiển đối với sự yếu kém ở trước. “Không sinh tư lự hy vọng”, đây là hiển thị tướng Tự nghi trừ Chân nghi. Năm Cái ở trên, đều nói là Tự cái, vì lia Chân cái. “Ân cần tôn trọng vô gián chánh phương tiện”, ân cần tôn trọng là tất cả loại, tức là Cụ túc tu. Vô gián là luôn luôn. Chánh phương tiện, là Chánh phương tiện tu. “Sở y địa của Ngụy dật”, thân của trời

người gọi là Sở y địa, do Dục mà bị mất tài sản gọi là Ngụy dật.

Đoạn lớn thứ ba, trong giải thích thể nghĩa Đà-đà, văn phân ba đoạn:

1. Kết ý trước phát sinh ý sau.
2. Trước nêu chín mươi mốt bài tụng để giải thích.
3. Cuối quyển 19, tổng lấy một bài tụng để kết chỗ thuyết minh trên, thành mười bốn đoạn.

- Trong quyển này hợp chung có năm đoạn:

1. Một bài tụng thứ nhất gọi là Ác.
2. Có hai bài tụng gọi là Thuyết.
3. Có năm bài tụng gọi là Tham.
4. Có ba bài tụng gọi là Lưu.
5. Có ba bài rưỡi gọi là Bồ (sợ).
6. Có ba bài tụng gọi là Loại.
7. Có hai bài tụng gọi là Cử.
8. Có ba bài tụng gọi là Trì (ao hồ).
9. Có năm bài tụng lại gọi là Lưu.
10. Có bốn bài tụng lại gọi là Tham.
11. Có năm bài tụng gọi là Tác.
12. Có năm bài tụng gọi là Cù lao (mệt nhọc).
13. Có ba bài tụng gọi là Đắc nghĩa.
14. Từ “chư hành vô thường” trở xuống, 44 bài rưỡi, gọi là Luận nghị.

Trong đây, hoặc lấy chỗ thuyết minh của bài tụng thứ nhất, hoặc lấy nghĩa của tông mà làm danh hiệu, như các bài tụng sau giải thích.

Đoạn thứ hai giải thích rộng thuyết, có bốn lớp giải thích, trong lớp giải thích thứ ba, lược bỏ không giải thích bài tụng thứ ba. “Các pháp Hữu vi đều là chỗ nhiếp của ba loại Ngôn sự”, Câu-xá luận nói: “Ngôn của thế tục y theo ba loại này”, tức là đường đi của ba đời. Ngôn sự, tức là Sự sở y của Ngôn, Sự vô vi thì không phải, đây là tổng nêu Hữu vi, tức là trong nghĩa này riêng nói Diệu dục lấy làm Ứng thuyết. Tưởng ứng thuyết là Danh, do nói Dục danh thì người kia mới hiểu, người không cất cao cái mũi lên, đến nhà của người khác mới cầu chỗ muốn.

Trong giải thích ngược lại thứ hai, “bài tụng thứ nhất hiển thị các Dục chờ thời”, là giải thích câu thứ nhất, vì đáng phải nói nguyên nhân chờ thời. “Như lớp thứ nhất ở trước có bốn chữ lại nữa, giải thích đối với Dục tà hạnh”, tức là câu thứ hai y theo chỗ đáng nói. “An trụ quả

tà hạnh”, tức là nửa bài tụng dưới. “Tập hợp chiêu cảm sinh tử”, là nửa tụng trên của bài tụng thứ hai. “Gọi là xả Dục xứng với lý”, là nửa bài tụng sau. “Tu hành Thức luận không xứng lý, và Dục chờ thời”, nửa bài tụng sau cũng hiển tâm Dục chờ thời. “Nếu Dục thọ dụng chờ thời mới đắc thì bài tụng thứ ba cũng vậy”, cũng là xả Mạn cầu Vô mạn.

“Trong lớp thứ ba giải thích bài tụng thứ hai hiển ra Năng liễu tri của các Dục”, đây là giải thích câu thứ nhất, tiếp theo là hai chữ cho nên, giải thích câu thứ ba.

Trong lớp thứ tư giải thích ba bài tụng, Phật vì chư Thiên kia mà thuyết ba bài tụng trước, lúc đó chư Thiên kia lãnh ngộ, nghe hai bài tụng trước, chán sâu các Dục, nghe ba bài tụng sau thì xả tâm lăng mạ khinh miệt, gồm đoạn Kiêu mạn.

Đoạn thứ ba có năm bài tụng. Trong giải thích Tham, một bài tụng đầu là hỏi, bốn bài tụng sau là đáp. Trong đáp có hai phần:

1. Có ba Phương tiện quán.
2. Có một Căn bản quán.

Trong Phương tiện quán, phần đầu có một là Chán cảnh quán. Phần hai có một là Bất đoạn quán. Phần ba có ba quán là Khổ, Vô ngã, Thân niệm trụ quán. Trong Trường hàng thì giải thích: “Nếu nhiếp các căn, không bị Dục tổn hoại tâm đó v.v...” trở xuống, giải thích bài tụng thứ tư Căn bản quán, đem giải thích tụng đó khen ngợi đều là Liễu giải. “Biết rõ là người học đã chưa lìa một phần Dục tham” trở xuống, đây là chánh giải thích Dục tham sinh năm nhân trong tụng này, nhân thứ hai là do mong ưa cõi Dục, nhân thứ ba là do nắm lấy hữu tình tướng của nam nữ v.v... nhân thứ tư là do Tham mạnh mẽ bức bách.

Đoạn thứ tư có ba bài tụng, bài tụng thứ nhất là hỏi, hai bài tụng còn lại là đáp. Trong Trường hàng giải thích, chỉ giải thích hai bài tụng sau để đáp. “Vượt qua năm bực lưu”, là đoạn năm phần Kết cõi dưới. “Đang vượt qua sáu”, là đoạn năm phần kết đoạn phương tiện cõi trên. “Làm sao có thể rộng độ Dục ái”? Đoạn năm phần kết phương tiện của cõi dưới, là rộng độ Dục ái. “Nhưng chưa được thân ghe”, là hỏi như người kia khéo đoạn chưa được thân ghe để vượt qua phần kết của cõi trên, cũng như người đời qua biển dùng cỏ lau hoặc phao nổi, hoặc cây cối giống như mang phao nổi trên lưng, cho nên gọi là thân ghe. Biển là dụ cho sinh tử, Ý thức như cái lừng, Tuệ như chiếc thuyền. Trong hai bài tụng đáp, bài tụng thứ nhất là chánh đáp, bài tụng thứ hai là kết đáp. “Mà có thể Tĩnh lự, Thấm lự và Đế lự”, vì phần đầu, phần giữa và phần sau khác nhau. “Hoặc hoà hợp với Ái”, là chưa đắc Thắng cảnh.

“Hoặc tăng trưởng Ái hoặc không lia Ái”, là đã đắc Thắng cảnh. “Hoặc không hợp với Ái”, là chưa đắc Ác cảnh. “Hoặc suy giảm, hoặc biệt ly Ái”, là đã đắc Ác cảnh. “Lại có sai biệt, thì làm sao tu tập đối với Vô tâm định”? Lớp trước đã giải thích tu Vô tâm định, là đoạn năm Phần kết phương tiện của cõi dưới, do Sơ tính lự có ba Thức thân, đang sinh Hỷ Xả mà khởi Si ái, vì Tâm v.v... chưa hết, cho nên nương vào Vô tâm tứ định mà tu Đoạn phương tiện. Hiện tại luận này thì khác, nương vào Tính lự thứ hai mà niệm niệm tu tập, gọi là như kia khéo đoạn. Lại nữa, chữ “lại nữa” trước, thuyết minh nương vào Văn, Tư, Đăng trì v.v... của cõi Dục mà chán các Tâm, gọi là Vô tâm định, là đoạn Phần kết phương tiện của cõi dưới. Nương vào Sơ tính lự mà chán Dục của cõi Dục, đoạn phần kết của cõi dưới, đây là sai biệt thứ hai, vì tu Tính lự thứ hai thì không có Tâm tứ định, khiến cho Phần kết của cõi dưới xa lìa, gọi là như kia khéo đoạn. “Ngoài ra như trước đã nói”, là hiểu rõ pháp vĩnh viễn giải thoát đều đồng với chỗ giải thích trước. Như kinh nói hổ thẹn là trực, ý là ghe thuyền nghĩa là tâm Tâm như trực xe, khéo giữ bánh xe, người trí điều khiển vượt qua nguy ách. Ghe thuyền như đoạn trên đã giải thích.

Đoạn thứ năm có ba bài rưỡi, có ba hàng và nửa bài tụng. Một bài rưỡi là thỉnh, một bài kế là đáp, một bài sau là tán thán. “Mười tư cụ trợ giúp thân”, như quyển 2 trước giải thích.

-----

## BẢN LUẬN 18

Mười bốn đoạn giải thích thể nghĩa Đà-đà, trên đã giải thích xong năm đoạn, quyển này có kế đó tám đoạn đầy đủ, gồm một phần của đoạn thứ mười bốn. Luận này ban đầu giải thích về Loại có ba bài tụng, một bài tụng là hỏi, còn lại hai bài tụng là đáp. Trong đáp có năm phần:

1. Khích lệ Thăng sinh.
2. Khai xuất đạo.
3. Đối với sư nào mà học.
4. Trụ pháp nào mà học.
5. Không sợ sau khi chết.

Một bài tụng rưỡi trong đáp, đã đáp hai câu hỏi thứ nhất, nêu ra đủ chín đức, đã là Thăng nhân, thì có thể tưởng lệ khuyến khích Thăng sinh và khai mở xuất đạo; nửa bài tụng sau thì đáp ba câu hỏi sau. Lấy pháp, là Đạo lý; lấy chánh, là Thuận ích; lấy Thứ chế là Quĩ phạm; lấy dẫn đường là tưởng lệ khuyến khích. Lại nữa, lấy pháp là Giáo; lấy chánh là Lý; lấy chế là lấy Giáo và Lý này chế ngự; lấy Đạo là huấn dạy điều quấy; “lấy uy nghiêm mà chế phạt là nhân của lực”, là bố thí; Sĩ dụng lực là Đế thật; Trợ bạn là Tuệ và Xả. “Tại sao tuổi gọi là Lục xúc xứ”? Vì Lục xứ như con suối, phiền não như nước suối, chỗ lưu xuất của dòng suối. “Hoặc An thọ thọ sở nhiếp”, An thọ là Hỷ thọ, Sở nhiếp là Lạc. Lại cũng giải thích, lấy tâm vui thích gọi là An thọ, thích với thân gọi là Sở nhiếp, Bất an thì ngược lại điều này.

Đoạn thứ chín lại giải thích trong Lưu, có năm bài tụng phân hai đoạn:

1. Hai bài tụng hiển Dị sinh, Hữu học v.v... lần lượt có thể vượt qua Bộc lưu.
2. Ba bài tụng thuyết minh đắc Cứu cánh đạo thì vĩnh viễn vượt qua Bộc lưu.

Nghĩa của bốn Lưu như quyển 8 quyển 9 trước đã giải thích. Dị sinh do chánh tín vượt qua Dục bộc lưu, ba câu dưới đều là Hữu học vượt qua ba Bộc lưu còn lại. “Và hiển Năng chứng trụ đạo thứ nhất”, là có thể chứng Diệt tận định đạo. “Hai mươi hai Xứ”, đến Thanh văn địa sau sẽ nói rộng.

Đoạn thứ mười, trong bốn bài tụng của Tham, bài thứ nhất là hỏi, bài thứ hai là đáp, bài thứ ba là kết, bài thứ tư là thuyết minh đối trị. Trong giải thích có bốn giải thích:

1. Giải thích bài tụng thứ nhất, từ câu “thế nào là Nhuận sinh” trở xuống.

2. Giải thích bài tụng thứ hai, từ câu “hoặc có lực của thân tay” trở xuống.

3. Giải thích bài tụng thứ ba, từ câu “lại cũng có Sa-môn” trở xuống.

4. Giải thích bài tụng thứ tư, “cây Nặc-cù-đà”, là hiển Sở nhuận sinh; “Thủy”, gọi là Năng nhuận; “Tự mình”, tức là cho đến “Chủng tử giới tánh”, là hiển Sở nhuận sinh, vì Tâm tứ hiện tại do giới tánh này mà sinh. Ý nói Nặc-cù-đà từ tự căn mà sinh, do gió thổi, chim tha hạt giống rơi vào lỗ kẽ, lại sinh ra nhiều rễ cây, nường vào lỗ kẽ mà lần lượt sinh lên sau, gốc do thủy thấm nhuận mà cây lần lượt sinh. Thủy gọi là Cộng duyên, pháp của Tham khuể vì thấm nhuận Ái mà làm Cộng duyên, mỗi mỗi tự Chủng tử của nó làm Biệt duyên. “Ma-lỗ-ca điều”, là loại dây leo, đây là thí dụ cho các Dục, Cứu dịch là Ma-lâu-ca-tử. Có sáu loại Biệt dục, cũng như rừng cây, vì Tham có thể bao bọc cho nên thí dụ dây leo. Trong lược nghĩa, “trong các Dục có hai loại Biệt duyên”, văn của luận tự giải thích, gọi là Biệt phược, mỗi mỗi đều riêng chủng loại mà sinh, gọi là nhân Bất cộng; đều do Ái thấm nhuận, thì gọi là Cộng duyên. “Đoạn phương tiện thắng lợi”, nửa bài tụng trên trong bài thứ tư, là đã hiểu rõ tánh Vô thường mà không khởi tham trước, gọi là Đoạn phương tiện; nửa bài dưới tức là liền dứt bỏ, cuối cùng không có thoái chuyển, gọi là Đoạn thắng lợi. “Hoặc tham, hoặc mừng, cho đến Ái phẩm”, là trong sáu Biệt dục, chỗ sinh Ái khuể phẩm, phải biết như trước. “Đắm trước”, tức là Tâm tứ của Ý thức ở ngoài năm Trần.

Đoạn thứ mười một, trong Tác có năm bài tụng, một bài tụng thứ nhất là hỏi, bốn bài tụng còn lại là đáp. Trong giải thích, giải thích thứ nhất là giải thích bài tụng hỏi; giải thích thứ hai từ câu “lại nữa, hiển Như Lai nường vào Đệ nhất nghĩa” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ nhất. Từ câu “đây là hiển thị Học và Vô học” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ hai. Nếu chưa lia Dục, vì muốn vượt qua Dục lưu mà vận chân động tay, phát Cần tinh tấn, thì gọi là chưa thấu đáy. Nếu đã lia Dục, thì gọi là được tận đáy nguồn, dùng đó tiến lên để đoạn các phần Kết của cõi trên, không vận tay động chân siêng năng mà gia tăng tinh tấn, thì gọi là chẳng phải thân phần, đây là hiển thị từ câu “Bà-la-môn” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ ba. Từ câu “người đắc Tĩnh lực thì vĩnh viễn đoạn tất cả” trở xuống là giải thích bài tụng đáp thứ tư.

Đoạn thứ mười hai, bốn bài tụng rưỡi, trong Cù lao có ba vấn đáp,

thứ nhất hỏi Phật là Bí-sô, hỏi đã vượt qua Bộc lưu hay chưa. Thứ hai là hỏi Niết-bàn và Diệt định đã vượt qua Bộc lưu hay chưa. Phật nói cho biết là đúng vậy! Bài tụng thứ ba có hai câu hỏi:

1. Nương vào câu hỏi trên mà đặt câu hỏi thứ nhất, “ông đã vượt qua Bộc lưu chưa, cũng như dòng sông v.v...”.

2. Nương vào câu hỏi trên mà đặt câu hỏi thứ hai, “như thế nào là không phan duyên không dừng trụ, đã vượt qua Bộc lưu chưa”.

Còn lại hai bài rưỡi là đáp, một bài rưỡi thứ nhất đáp “có Bộc lưu nhưng cũng chưa vượt qua”. Một bài tụng sau cùng là đáp hai câu hỏi trên, nhưng hai câu cuối lấy kệ ứng tụng của kinh này, cho nên văn dễ hiểu, lược chỉ ra cho biết. “Kỳ-diễm” là ứng tụng. Trong văn Trường hàng này, có ba đoạn:

1. Chỉ ra không có phan duyên, không có trụ.

2. Từ câu “Thế Tôn nương vào chỗ thị hiện xưa kia mà tu tập” trở xuống, tổng giải thích ý của bài tụng. “Chưa đối diện mà ngồi xuống, đoạn phi phương tiện, khi tà chấp nắm lấy tinh tấn thì có cù lao kia cho đến phiêu trầm, toà bồ-đề” trở xuống, là đối với tà tinh tấn đặc đoạn Biến tri, liền xả cù lao cho đến phiêu trầm.

3. Trong đây hiển thị “khi tu khổ hạnh” trở xuống, giải thích hai câu đáp trước, có ba đoạn:

a) Đáp câu hỏi thứ nhất, “đã vượt qua Bộc lưu chưa, cũng như dòng sông v.v...”.

b) “Tại sao lại nương vào niết-bàn v.v...”.

c) “Không phan duyên không dừng trụ, đã vượt qua Bộc lưu chưa”.

Phi phương tiện, là chỗ của Nặc-kiền-đà, mỗi ngày ăn một hạt mè, tự tu tà khổ hạnh. Ốt-đạt-lạc-ca, nghĩa là dững mãnh sung thịnh, Cựu dịch là Uất-đầu-lam tử, ở chỗ của Nặc-kiền-đà kia mà tu Phi tưởng định. A-la-trà, nghĩa là gặp lỗi, Cựu dịch là A-lam-ca-lam, ở chỗ của Nặc-kiền-đà kia mà tu Vô sở hữu xứ định, tức là hiển Khổ hạnh trước Lạc hạnh. Bốn nghĩa xả Cù lao trong đây, là từ câu “lại sau khi ngồi toà bồ-đề” trở xuống, làm câu xả Cù lao thứ nhất. “Hễ có thiện pháp liền được tăng trưởng” là câu Cù lao thứ hai; từ câu “như như thiện pháp đã tăng trưởng” trở xuống, là xả Trụ thứ ba. Từ câu “đã do bất tri tức như vậy” trở xuống là xả mục tiêu thứ ba, cho nên nói như phần kế tiếp. “Trở lại dừng trụ tại Địa của cõi dưới mà sinh”, tức là Đối Pháp ghi: “Có vài vị Thánh đệ tử đã lìa dục của cõi Sắc, đắc Tĩnh lự giải thoát định của cõi Vô sắc, sau đó sinh lại cõi Sắc hay sao”? Đáp rằng có, là đắc Diệt tận định rồi sinh lại cõi Sắc, tức là câu nói trên. Bài tụng này



có ý nói, ngoại đạo có Cù lao v.v..., Thế Tôn ta đã lìa sinh tử chứng Niết-bàn, là quyết định đã lìa Cù lao. Nếu Thánh thoái chuyển, là có Cù lao, Thánh không thoái chuyển, là quyết định đã lìa Cù lao.

Đoạn thứ mười ba, trong phần đặc nghĩa Đà-đà, một bài rười là hỏi, một bài rười là đáp. Thiện kiến, Thiện tri, Thiện giám, Thiện đạt, vì trí bốn Đế thứ tự như vậy nên biết.

Đoạn thứ mười bốn, từ câu “các Hành vô thường” trở xuống, có bốn mươi bốn bài tụng. Trong giải thích Luận nghị, phân làm hai mươi bảy đoạn, phân tích và xiển dương lý sâu cho nên gọi là Luận nghị. Trong giải thích bài tụng thứ nhất, văn có bốn đoạn:

1. Giải thích câu tổng thứ nhất, Hữu không phải hằng hữu, Vô không phải hằng vô, cho nên sinh và diệt đều là Vô thường. Hai chữ Vô thường, thông chung ba đời và riêng khác quá khứ.

2. Từ câu “nếu quá khứ sinh Sở đắc của quá khứ” trở xuống, như thứ tự mà giải thích Vô thường thứ nhất. Câu thứ hai là có sinh diệt, đời quá khứ đã sinh diệt thì gọi là pháp Vô thường, đời vị lai đang sinh và có thể diệt, gọi là pháp có sinh, đời hiện tại hiện đang sinh và sẽ diệt thì gọi là pháp có diệt. Các Hành của ba đời đều là pháp có diệt.

3. Từ câu “nếu các Uẩn kia ở tại vị lai” trở xuống, là giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “nếu Chủng tử” trở xuống, là giải thích câu thứ tư, vì Khổ nhân diệt cho nên sẽ sinh giải thoát, gọi đó là Lạc, vì thô trọng dứt, hiện trụ an lạc gọi đó là Lạc.

Trong Lược nghĩa có chín đôi giải thích sáu chữ “lại nữa” đầu tiên, như thứ tự mà phối hợp các Hành và Tịch lạc kia. “Pháp Vô vi gọi là Biến tri”, là Sở chứng từ Năng chứng đạo mà đặt tên, các hành quán Hữu vi khởi Vô nguyện, vì không thấy Ngã, tức là quán Không có không, cho nên Không không có Nguyện, quán các Hành khởi Thánh đế và hiện quán trái nhau. Hai pháp đoạn xứ sở y, hai pháp đó là:

1. Tùy thuận hý luận, là bốn Kiến, hoặc tất cả phiền não dưới Khổ đế.

2. Bố úy hý luận, là Ngã kiến, tức là tất cả phiền não dưới Diệt đế.

Hai pháp này cũng vậy hiện quán trái nhau. Luận này hiển hai pháp Xứ sở y, là Khổ đế và Diệt đế; tánh Sở tri không điên đảo. Sở tri là nửa bài tụng tiếp theo; Sở chứng tánh không điên đảo, tức là nửa bài tụng kế đó. Ngoại đạo chấp thế gian là thường cho nên hủy báng an lạc của Niết-bàn, gọi là Bất cộng.

Đoạn thứ hai trong phần tụng, câu thứ nhất là Đạo đế cùng với Diệt đế làm vết tích, câu thứ ba là từ Đạo đế mà chứng Diệt đế, câu thứ hai là Tập đế làm nhân vết tích của Khổ đế, câu thứ tư do có Tập đế mà thường thọ Khổ đế. “Nếu khéo tu tập thì người này không có buông lung phóng dật”, là những bậc Hữu học tu Đạo đế, vì trong thời quá khứ chưa có tu tập Đạo đế, có thể do bất điều thiện mà chết, hiện tại và vị lai do tu tập Đạo đế, không do bất điều thiện mà chết, chư A-la-hán vị lai không có chết, cũng gọi là không do điều thiện và bất điều thiện mà chết. Phóng dật thì ngược lại điều này.

Trong Lược nghĩa, tánh của Xứ và Phi xứ, nhân quả của thiện ác, thuận với tương sinh, Sở tác của tự nghiệp, không phải Tha tác và Vô nhân. “Sử đối với đệ tử làm chỗ nên làm”, pháp dạy răn, tự chỗ hiểu nghĩa của các đệ tử, nương vào sư truyền dạy mà tu đoạn pháp. “Là người có thể thuận theo ác giới đào huyệt chôn nhân duyên của giới”, là có thể phát thân ngữ ý, gọi là nhân duyên của giới, tức Cựu dịch gọi là ác Thi-la. Làm như xấu thiện giới cho nên gọi là Ác giới, không phải giới thể xấu ác. Phạm căn bản của các thiện giới, gọi là đào huyệt chôn nhân duyên của giới, tức là tương bất chánh. Tương bất chánh, tức là tư duy bất chánh và phiền não v.v... Bốn nghĩa trong Lược nghĩa phối hợp với nửa bài tụng trên, trong giải thích tụng này chỉ giải thích nửa bài tụng trên.

Trong văn của đoạn thứ năm phân làm hai đoạn:

1. Giải thích ba câu trên.
2. Giải thích câu thứ tư.

Trong văn giải thích có hai đoạn:

1. Lấy tám loại Quán mà quán nghiệp nghiệp quả báo của chư hữu tình.

2. Giải thích câu thứ tư.

Trong đoạn thứ nhất lại có hai phần:

1. Thuyết minh riêng tám Quán.
2. Từ câu “giới như vậy thiện nam tử” trở xuống, kết làm bốn bài tụng.

Bài thứ nhất và bài thứ hai, như thứ tự mỗi bài đều nhiếp ba bài; bài thứ ba và bài thứ tư, như thứ tự mỗi bài đều nhiếp một bài.

Trong Lược nghĩa đó, “thuyết minh quả của thiện ác, bao gồm chỗ đắc quả” gọi là Như lý tư; “nghiệp nghiệp quả báo, cho đến ngăn dứt các ác nghiệp này cuối cùng không nên làm”, gọi là Như lý tư, là các pháp đầu tiên tùy theo các pháp hành.

## BẢN LUẬN 19

Trong giải thích Luận nghị thứ mười bốn, có hai mươi bảy đoạn, trên đã giải thích năm đoạn, quyển này có hai mươi hai đoạn. Trong bốn Ngũ, Ngũ thứ nhất là tổng nêu, ba Ngũ sau là biệt. Giải thích Thiện thuyết, Thiện ngôn, Thiện luận, thì Thiện thuyết là tổng, hai Thiện sau là biệt, nói thể là Thiện ngôn, nói nghĩa là Thiện luận. Thiện ngôn và Thiện luận đều có ba tướng của Thiện thuyết, ba tướng của Thiện thuyết hoặc phối hợp riêng với ba câu sau, hoặc tùy theo chỗ thích ứng mà thông với ba câu sau. Nhưng luận này nêu ra Ái ngữ và Đế ngữ của thế gian, để hiển thị phản ảnh hai Ngũ của xuất thế gian, vì tụng đầu tiên là nêu Thánh ngữ, Ái ngữ của nó có bốn mươi ba câu nói. Ái ngữ có ba loại, là Uy dụ, Khánh duyệt và Thắng ích, rộng như luận kia nói. Trong bài tụng thứ hai, do tu hành Tín v.v... năm loại thiện sự mà đắc ba loại quả. “Đạt được chánh tín” là Tín; “hổ thẹn ở nhà” là Tàm; “thọ trì giới” là Giới; “được y phục v.v...” là Thí; “chỗ có chánh pháp v.v...” là Pháp. Đây là giải thích câu thứ nhất. Từ câu “người kia đã thành tựu” trở xuống là giải thích ba câu dưới:

1. Danh dự quả, tức là câu thứ hai của bài tụng.

2. Giải thoát quả, trong chứng giải thoát xứ thanh tịnh chúng đồng phạm của chư Thiên, thì Vô lậu gọi là thanh tịnh, Thánh tự tại gọi là Thiên, đây là giải thích câu thứ ba của bài tụng.

3. Đắc sinh thiên quả, đây là giải thích câu thứ tư.

- Trong giải thích bài tụng thứ ba phân ba phần:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “các ác hành là chỗ phải mau chóng xa lìa”, đây là giải thích câu thứ hai và thứ ba. Các quả Bất thiện gọi là ác ngoại đạo, các tà khổ hạnh không lợi ích gọi là Nhân vô nghĩa, có thể xa lìa.

3. Từ câu “hoặc đối với Tăng thượng bốn Thánh đế v.v...” trở xuống, là giải thích của câu thứ tư. Lược nghĩa, trước nghe chánh pháp, như lý tư duy là câu thứ nhất; pháp tùy pháp hành, là câu thứ hai và thứ ba; đắc quả thắng lợi, là câu thứ tư.

Trong bài tụng thứ tư, có ba chữ “lại nữa”. Chữ “lại nữa” thứ hai nói: “Chỗ có ẩm thực, ngôn thuyết và du hành”, ba loại này như thứ tự là khen ngợi ba chỗ không nhiễm, nhưng xứ vô tướng trụ cũng các khổ khác đuổi theo, không gọi là cực viên mãn, hoặc vì tự lợi mà ẩm thực và du hành không nhiễm, hoặc vì lợi tha mà ngôn thuyết và du hành bất động, hai chữ du hành thông với hai lợi nói trên; xứ vô tướng trụ, cũng

như bơi trong ao trong mát; các khổ khác đuổi theo, gọi là khi chán bùn cấu trong biển sinh tử. Lại nữa, Tuệ giải thoát, Hữu học thân chứng và Câu giải thoát, như thứ tự ba chỗ đó, là do ba loại người đó Phiền não chướng và Tận định chướng chưa dứt hết, vì không phải hai chướng của phiền não đồng thời là, cho nên nói như thứ tự.

Trong lược nghĩa, lia Dục của ba cõi, đối với ý chỉ của Phật thánh cũng như Hữu dư y, tức là các bậc Vô học gọi là Trí giả. Lia tham của cõi Dục, thuộc Thắng tấn đạo, tức là câu thứ tư, gọi là Bất động vì đã lia dục tham mà khởi thắng tấn đạo. Hoặc Hưởng thứ gồm cả quả và Hưởng thứ ba vì lia dục tham mà khởi Thắng tấn đạo. Quả Bất hoàn của nó thì như bơi trong ao trong mát. Lại nữa, hiển ba thắng lợi là giải thoát, Đăng trì và Trí tuệ, là các giải thích nói về quán, vì quán quang minh xa lia định chướng, thành Vô nhiễm Đăng trì; quán không không phải Ngã, là bất động trí tuệ chiếu soi đoạn dứt, như bơi trong ao trong mát. Lại nữa, hiển chỗ đắc quả của Tâm tuệ học, thì quả Tâm học gọi là Bất động, Tuệ học quả như bơi trong ao trong mát, hai học tâm và tuệ không nhiễm như hư không, hoặc như thứ tự tâm học quả và tuệ học quả như hư không không có nhiễm, tâm học như cờ phướn của Thiên đế, tuệ học như bơi trong ao trong mát.

Đoạn thứ năm, có năm bài tụng phân làm hai phần:

1. Bốn Dị sinh.
2. Một Thánh giả.

Thánh giả thì thấy đủ Pháp thân và Hóa thân của Phật, gọi là Pháp kiến; trong bốn Dị sinh đó, thứ nhất là loại người Dục tham tà phân biệt, thứ hai là loại người Thiên nhân bất định, thứ ba là loại người Nhục nhãn bất định, thứ tư là loại người trong ngoài đều chướng, đều không thể thấy. Kim Cương Bát-nhã ghi: “Nếu lấy sắc thấy Ta, lấy âm thanh tìm Ta, họ sinh Si tà kiến, không thể gặp được Ta”, tức Dị sinh này là chỗ nhiếp của bốn loại trước. Dị sinh kia là Nhị thừa sau, tuy đạt Đế lý nhưng chưa chứng Pháp thân, cũng không thể biết Sắc thân v.v... của Phật, không phải Đệ nhất nghĩa thì không gọi là có thể thấy hai thân trong ngoài.

Đoạn thứ sáu, trong một bài tụng có bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.
2. Từ câu “hoặc đã có vượt qua năm Bộc lưu” trở xuống, giải thích câu thứ hai, Định đồng thời với Ái vị gọi là Hữu nhiễm thời, nhưng Hữu trong Nhiễm ái vị này, chấp là chính mình có, “Ta có thể ưa thích Ái vị”, đối với Định ái vị chấp chặt không xả, nhiễm tâm sau này nhiễm

chỗ chấp thủ của tự tâm Ái định trước, Năng ái của nhiễm tâm sau đối với Sở ái của nhiễm tâm trước gọi là Tham nhiễm, do Ái này mà Khổ tương lai sinh, cũng gọi là Nhiễm. Đây là sinh phiền não không phải quyết định phiền não, cho nên nói là chiêu cảm sinh khởi, đây tức là tướng của Bộc lưu thứ sáu.

3. Từ câu “hoặc Nhiễm tự thủ đối với tâm Sở nhiễm” trở xuống, giải thích câu thứ ba. “Hoặc Nhiễm tự thủ”, là Nhiễm tâm sau, “đối với tâm Sở nhiễm”, là Định tâm trước, do Nhiễm Tâm sau đối với tâm Sở nhiễm kế trước có thể không tùy thuận, mà sinh Ái nhiễm, phát khởi công dụng nhiếp thọ một chỗ, khiến cho không tan mất, vì ngăn cho dứt nhiễm, cho nên tu Đối trị tác ý của Ý Bộc lưu thứ sáu, tâm Năng nhiễm này hiện tại cũng không có, có thể nhiễm ô đối với Tâm tương ứng, tức là chỗ Tâm tương ứng với không nhiễm, vì tự tánh thanh tịnh, gọi là tâm không nhiễm ô. Trong đây có ý nói, đối với tâm Sở nhiễm tùy theo công dụng, là Sở duyên trói buộc thì không có nhiễm ô, vì đối với tâm Vô nhiễm, là trói buộc tương ứng với hai thứ Phược và Ly, đang Khổ mà không sinh cũng gọi là Vô nhiễm, vì duyên trở lại Tham có thể nhuận sinh.

4. Từ câu “hoặc Hữu đối với Nhiễm ái vị kia tùy khởi công dụng” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Đoạn thứ bảy, “Thành trì”, là bên trong để nhiếp trì, bên ngoài để chế ngự, bên trong nhiếp bốn pháp, bên ngoài chế ngự Tín giải, cho nên thí dụ Thành trì. Tương ứng với hai loại Tâm thành của Thiện pháp: một là khéo Thuyết pháp, hai là Tỳ-nại-da.

Trong giải thích bài tụng thứ tám phân thành ba đoạn:

1. Giải thích hai câu đầu.

2. Từ câu “tâm kia khi Định này chánh an trụ” trở xuống, giải thích câu thứ ba, không sinh Ái vị, không có chỗ y chỉ.

3. Từ câu “do chánh phương tiện như vậy” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Trong lược nghĩa, có bốn loại nhiễu loạn, loại thứ nhất tức là hai câu đầu, loại thứ hai và thứ ba tức là câu thứ ba, loại thứ tư tức là câu thứ tư.

Đoạn thứ chín, trong giải thích một bài tụng có bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, Phật thị hiện nội tịch tĩnh lạc” trở xuống, là giải thích câu thứ hai và thứ ba.

3. Từ câu “như nhân theo vỏ trứng của nó mà sinh gà v.v...” trở

xuống là giải thích câu thứ tư.

4. Từ câu “sự sai biệt trong đây” trở xuống, giải thích lại nghĩa xả Hữu và Hành.

Câu thứ nhất thuyết minh Đắc sai biệt, ba câu sau thuyết minh Xả sai biệt. Câu-xả, nghĩa là ẩn tàng trong vỏ trứng, sau khi đắc Bồ-đề, cùng với thân khi chưa đắc tương tự, gọi là Đẳng sinh, vì tương tự chút ít, bốn Uẩn còn lại gọi là Thân sinh; cùng với nhân hoàn toàn khác nhau, gọi là Bất đẳng sinh. “Nội tịch tĩnh lạc”, là thị hiện riêng mình ở nơi rừng hoang; “và Sa-môn lạc”, là thị hiện trì giới không có hối hận. Hỷ và Lạc do hai thứ Lạc làm nhân thì tâm liền được Định, các Định lực thù thắng có thể xả hai Hạnh. Thọ hạnh là Mạng hạnh. Hữu hạnh là các Uẩn hữu lậu khác. Hữu hạnh thì rộng, Mạng hạnh thì hẹp, từ hạnh rộng mà làm luận, khen ngợi Vô thọ hạnh, đây là chỗ xả Sắc thân mà sinh, thị hiện Hữu lậu cùng với Uẩn hữu lậu trước tương tự, tên gọi cùng với trước đồng nhau, chính bốn Uẩn vô lậu đó gọi là Thân sinh, không phải chỗ thị hiện xả cho nên cùng với Uẩn hữu lậu trước không đồng nhau, do đó cả hai đều sai biệt, Sắc thân như còn ẩn tàng trong vỏ trứng, bốn Uẩn vô lậu như phá vỏ trứng mà ra, như gà v.v... sinh nở. Sai biệt cũng vậy, là Phật Thế Tôn nếu không vứt bỏ các Thọ hạnh v.v... điều này có hai thuyết:

1. Phật thọ một trăm tuổi, nhưng chỉ có tám mươi tuổi, đã xả phần thứ năm hai mươi tuổi làm một phần thọ lượng, cho nên trong kinh phần nhiều nói Phật Ca-diếp, vào thời kỳ loài người thọ hai vạn tuổi thì xuất hiện nơi đời, Thích-ca thì khi loài người thọ một trăm tuổi mới xuất hiện nơi đời.

2. Phật Thích-ca phần lớn là phải thọ một trăm hai mươi tuổi, bốn mươi tuổi làm một phần, nhưng chỉ có tuổi tám mươi, là đã xả phần thọ thứ ba. Các giáo phần nhiều nói, loài người của châu này phần nhiều thọ một trăm hai mươi lăm tuổi, Đông thắng thần châu thọ hai trăm năm mươi tuổi v.v... là để hiển thị cõi này được tự tại, lưu giữ thân ba tháng là để hiển thị đối với Mạng được tự tại mà xả các phần khác, nhưng lấy chỗ có phước nghiệp của các phần khác bố thí cho các đệ tử.

Trong lược nghĩa, “và hiển vứt bỏ chỗ nương vào nhân duyên”, là hai Lạc làm nhân thì Định tự tại.

- Đoạn thứ mười, một bài tụng có ba phần:

1. Nương vào các giải thích.
2. Phân rõ lược nghĩa.
3. Những kẻ ác.

Lại nữa, “Nương vào tại gia và xuất gia trong ba cõi” là phân tích lược nghĩa. “Nương vào kẻ Ái tại gia trong cõi Dục”, là để giải thích tụng này. “Không phải số học”, nghĩa là không phải số ghi bao quát.

Đoạn thứ mười một, trong một bài tụng phân làm bốn phần:

1. Nói khắp về ba cầu.
2. Từ câu “Dục cầu trong đây có tâm nhiếp” trở xuống, là giải thích câu thứ nhất.
3. Từ câu “hoặc Lạc của Sa-môn và Bà-la-môn” trở xuống, giải thích câu thứ hai.
4. Từ câu “Lại nữa, đây là tất cả ba môn nhiếp” trở xuống, giải thích hai câu sau.

Đoạn thứ mười hai, trong giải thích một bài tụng:

1. Trụ đều là Vô ái.
2. Hý luận đều là Vô ái.
3. Vượt tường Ly ái.
4. Vượt hào Ly ái.

Cho nên nói A-la-hán vĩnh viễn lìa Tham ái, do bốn tướng đó mà đạo chơi các thế gian, nhưng trời người không biết.

Giải thích vẫn có hai đoạn:

1. Giải thích nửa bài tụng dưới, khen ngợi Mâu-ni đạo chơi các thế gian, trời người không biết, A-la-hán gọi là Mâu-ni, vì chứng Tịch mặc pháp.
2. Từ câu “Tại sao chư A-la-hán ly ái” trở xuống, là giải thích nửa bài tụng trên, hiển thị hình ảnh riêng của Ly ái có bốn tướng. “Chủ ma oán”, là chỗ gọi Tham ái.

Trong Lược nghĩa, “hổ thẹn chỗ không đáng hổ thẹn”, tâm thuộc tài sản của người khác là chỗ không đáng hổ thẹn, vì sinh khởi nhỏ nhẹ cho nên gọi là hổ thẹn chỗ không đáng hổ thẹn; mưu tính kinh doanh thuộc tài sản của mình, gọi là chỗ đáng hổ thẹn; đam mê vui chơi và trói buộc nhiếp, gọi là đáng hổ thẹn mà không hổ thẹn, hợp chung thành Xứ thứ nhất. Tâm có đoạn diệt gọi là không đáng sợ; quả trách, hủy báng và siêng cần tiến tới, gọi là sinh kiến giải sợ sệt; sinh Thiên buông lung hưởng lạc, gọi là đáng sợ; khen ngợi tâm hy vọng, gọi là không sinh kiến giải sợ sệt, là Xứ thứ hai vọng sinh chút ít khinh khi hủy báng.

Đoạn thứ mười ba, trong một bài tụng, “huân trừ”, Huân là huân tập tu hành, Trừ là trừ diệt.

Đoạn thứ mười bốn, trong giải thích một bài tụng, văn phân làm bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “hoặc có thì có thể đối với khéo thuyết pháp” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “như vậy khéo tu chánh phương tiện” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “Lại nữa, tu như chỗ đắc đạo ở trước” trở xuống, giải thích câu thứ tư. “Thọ trì bảy thứ nương vào sự phước nghiệp”, câu này có hai thuyết:

1. Tức là bảy Thánh tài, bố thí rất tăng thượng, đó là lý do nói riêng về nó.

2. Trong phần tám bố thí ở trước, ngược lại bảy bố thí đầu tiên thì có lỗi bố thí, càng nên suy xét.

Đoạn thứ mười lăm, trong giải thích một bài tụng phân làm ba đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất, “Tất cả chủng”, là mười Ác nghiệp đạo. “Tất cả nhân duyên”, là ba loại căn bất thiện, có thể phát sinh Nghiệp đạo và Cứu cánh. “Tất cả xứ sở”, là cảnh vật chất dụng cụ v.v... của Tình và Phi tình.

2. Từ câu “sau đó do ba tướng” trở xuống, giải thích câu thứ hai, nương vào Giới mà khởi Định, nương vào Định mà khởi Tuệ, nương vào Tuệ mà chứng Cảnh, gọi là ba tướng, cho nên thông với hai Xứ.

3. Từ câu “như vậy đầy đủ” trở xuống, giải thích câu thứ ba, không giải thích câu kết thứ tư.

Trong Lược nghĩa, “Tam học” là hai câu đầu. “Học quả” là câu thứ ba. “Không cùng với người khác học chung” là câu thứ tư.

Đoạn thứ mười sáu, trong giải thích một bài tụng:

1. Giải thích câu thứ nhất; từ câu “khó có thể điều phục” trở lên, giải thích khó điều phục; từ câu “tuy gượng ở yên” trở xuống, giải thích khinh tháo, là cử chỉ khinh suất hấp tấp, tánh tập quen dễ dãi.

2. Từ câu “tuy gượng ở yên tịch chỉ bên trong” trở xuống giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “chư Thánh đệ tử đối với như vậy” trở xuống giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “sau đó do Chánh định như vậy” trở xuống giải thích câu thứ tư.

Trong lược nghĩa, “Tả đạo”, trái với Chánh đạo lý, là hai câu trên. “Không tùy theo tâm Tả đạo”, là câu thứ ba. “Chỗ đắc thắng lợi”, là câu thứ tư.



Đoạn thứ mười bảy, trong giải thích một bài tụng, câu thứ nhất là tổng Sở nhân, ba câu sau là công đức Sở đắc, một là có thể ăn mà xa lìa hương vị, hai là Tĩnh lực, ba là thường vớt bỏ, bốn là Niệm, là thọ Vô nhiễm hỷ lạc. Đạn, là kiên nhẫn khiếp sợ. Vô đạn, là không có sự khiếp sợ này. Giải thoát hỷ lạc là Vô vi, Vô nhiễm hỷ lạc là Hữu vi.

Trong Lược nghĩa, Sở tác của Tỳ-bát-xá-na là khen ngợi Tĩnh lực, do suy xét kỹ đạo lý mà đạt được Tỳ-bát-xá-na, trở thành Sở tác của nó, cho nên trước nói Tĩnh lực, sau đó nói Tuệ tác.

Đoạn thứ mười tám, trong một bài tụng, hai câu đầu là chỗ thành tựu năm chi, hai câu sau là chỗ đoạn năm chi:

1. Không có công xảo, là không có bốn sự:
  - a. Không kiêu căng tà nghiệp nuôi mạng.
  - b. Không y nhà có thế.
  - c. Không theo quy củ các dòng họ cao quý.
  - d. Không trái giả trá thọ lãnh.

Thánh nói thế gian Dị sinh nương vào Công xảo làm nghiệp, đợi chờ phi pháp mà mong cầu tâm chân thật. Bí-sô thì không như vậy, không dựa vào bốn sự này mà khởi phi pháp, mong cầu tâm âm mặc cũng như thế gian kia.

2. Không khinh khi tự mình, là nếu đối với ăn mặc phi pháp mà tham lam tụ tập, không trì y bát, thì gọi là khinh khi tự mình. Bí-sô thì không như vậy, không coi nhẹ tự mình.

3. “Lạc thù thắng hy vọng ưa thích”, là Sa-môn hy vọng ưa thích Học xứ, kiên cố cấm giới.

4. Lạc chư căn, là Lạc sinh Hỷ căn thì Tịnh mạng đầy đủ hoan hỷ; Lạc sinh Tuệ căn thì nhập Hiện quán v.v...; Lạc sinh Niệm căn thì khiến trừ các ác.

5. Tận giải thoát, Kết phước, Triền chủng đều là giải thoát, gọi là thành năm chi:

- a. Không có nhà là trọn không xả Giới thoái về lưới tục.
- b. Không có chỗ tích trữ là thọ tài và thọ cảnh.
- c. Không có hy vọng là không mong tài và mạng, biết mà nói dối.
- d. “Đoạn dục” là đều cho và nhận.

e. Độc hành là Tham dục đã tận, không có bạn, một mình dạo chơi, lìa Phi phạm hạnh, khéo đạt nhân quả, các ác đều tận, không chấp nhân ác là không có nhân chiêu cảm quả, gọi là đoạn năm chi, tùy theo nghiệp thế của nó mà phối hợp giải thích văn.

Đoạn thứ mười chín, trong giải thích một bài tụng:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, đây là hiện tại tùy theo tự thể của nó” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “nếu có thông tuệ là do bốn tướng này” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “kia có thể siêu độ” trở xuống, giải thích câu thứ tư. “Tâm” là nói chung tám Thức. “Vô lượng sai biệt tự thể triển chuyển” là tâm của ba tánh v.v... sai biệt mà chuyển. “Và nhân triển chuyển” là các tâm trước làm nhân mà sinh các tâm của tự thể sau, hoặc tâm Chủng tử và các duyên khác có thể sinh Thể của tâm, đều gọi là nhân triển chuyển. Từ câu “tiền tế không thể biết cho nên gọi là Viển hành” trở xuống, quyển 57 giải thích Viển hành có hai nghĩa là Vô thủy thời và Duyên khắp các cảnh giới. Quyển luận đó nói thiên về Ý thức tác nghiệp, luận này thì thông với tất cả, cho nên không trái nhau. “Riêng từng một Thức mà chuyển”, vì không có Nhân thức thứ hai đồng một thời mà sinh, cũng không phải tất cả chủng. “Tâm ba tánh, vì nhanh chóng hiện tiền, cho nên gọi là Độc hành”. Quyển 57 có hai nghĩa: một là riêng từng một Thức chuyển, hai là không có chủ tế, cho nên gọi là Độc hành. Trong đây Nhân viển hành ở trước, là nói Thức từ duyên mà khởi, vì nương vào văn dễ dàng. “Đã ngăn trách Vô tác”, là Độc hành, trong lược nghĩa cũng không trái nhau. “Nhưng tâm thể này, hiện tại khi khởi thì tâm tánh bất định, luôn luôn tăng thêm triển chuyển thì dễ gián đoạn”, gọi là không rốt ráo chuyển. Rốt ráo nghĩa là trước sau tương tự tương tục. Năm căn như Sắc v.v... của nó, hoặc đồng với Dị thực, khác với Trưởng dưỡng, tuy ban đầu thì mờ yếu, nhưng sau đó thì sáng và thù thắng. “Trước sau tương tự tương tục mà sinh”, gọi là rốt ráo chuyển. “Khi chủng chủng phẩm loại là Dị sinh thì sinh, Dị diệt thì diệt”. Chữ “Dị” nghĩa là riêng khác, là ba tánh phẩm loại riêng khác với Dị sinh, như thiện tâm riêng khác với hai tánh phẩm còn lại, khi Sinh thì mới sinh thì khác với hai tánh phẩm còn lại, khi Diệt thì mới diệt, là hai tánh còn lại cũng vậy. Lại nữa, như Tham câu phẩm trong Phiền não khác với các phẩm còn lại, hoặc Sinh hoặc Diệt, nhưng tâm thể kia tự tánh không phải nhiễm, Thể và tánh Nhiễm của nó trước sau tương tự bất khả đắc, và do tâm tánh vốn thanh tịnh mà Thể nhiễm của nó bất khả đắc, cho nên không thành thật, gọi là không có thân. Trong đây có ý nói, tâm thể nhanh chóng lui mất, dị loại mà sinh diệt. “Không rốt ráo chuyển, không đồng sắc tướng, trước và sau tương tự, rốt ráo mà chuyển, và không có Thể nhiễm cho nên gọi là không có thân”, quyển

57 ghi: “Không có Sắc thì không thấy, cũng không có đối, cho nên gọi là không có thân trong đời vị lai này”. Theo Nghĩa lý môn của sư kinh bộ mà nói, là có tâm Tùy miên, ở vào bốn Thức mà trụ, có thể đối với đời sau từ Tùy miên mà khởi, có vãng có lai, duyên trải qua cảnh nghĩa, gọi là ngủ trong hang. Thức chủng vị lai hiện ở vào Thức mà trụ, tương lai có thể sinh là nghĩa ngủ trong hang. Y theo Chân thật lý môn giải thích văn này, là nếu Thức của đời vị lai ở vào Thức mà trụ, thì Bản thức trong đời hiện tại mới có Tùy miên, có thể đối với đời sau có nghĩa vãng lai, gọi là ngủ trong hang. Quyển 57 ghi: “Nương vào Sắc, gọi là ngủ trong hang”, luận đó nói có cõi Sắc thức không phải Thức vị lai, đây là nói chung Thức của ba cõi và nói ba đời riêng Thức, để giải thích văn tụng, lý không trái nhau. Viễn hành, là nói Thức quá khứ có hai nghĩa Độc hành và Vô thân. Nói Thức hiện tại ngủ trong hang, là nói Thức vị lai, tức là bốn nghĩa Thức của ba đời gọi là bốn tướng, không phải quá đời khứ và vị lai mới không có nghĩa Độc hành và Vô thân; Dụng hiện tại có thể biết, từ tăng trưởng mà nói hiện tại.

Trong Lược nghĩa, “nhiễm ô trong thời gian dài”, tức là tiền tế không thể biết. Vô tác là tánh, là nghĩa của tâm tự thể triển chuyển và nhân triển chuyển, đây là cũng giải thích Viễn hành. Đối với tánh của đời hiện tại là sát-na, Tham, Sân v.v... chuyển dịch không rốt ráo chuyển, cho nên tự tánh thanh tịnh, Thể của Nhiễm ô không thành thật, đây là giải thích Vô thân, nhưng thiếu Độc hành đối với đời vị lai có nghĩa phóng dật, đối với đời sau có nghĩa vãng lai, tức là ngủ trong hang. “Do Bất phóng dật cho nên thanh tịnh, tức là Thông tuệ”, là biết rõ Tâm kia trụ trên đất liền, là nửa bài tụng kể dưới.

Đoạn thứ hai mươi, có mười bài tụng, có năm câu vấn đáp, hai bài tụng làm một câu, đều là hỏi trước, đáp sau. Trong giải thích có hai phần là tổng chỉ ra tụng của kinh và tùy giải thích riêng. “Ba-la-diên”, là tên kinh. “A-thị-đa”, tức là Vô Năng Thắng, là tên chữ của Di-lặc. Giải thích văn phân ra năm đoạn:

1. “Từ câu “muốn nói thế gian” trở xuống là giải thích câu đáp thứ nhất.
2. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp là do Vô minh môn” trở xuống, giải thích câu đáp thứ hai.
3. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp và người tại gia” trở xuống, giải thích câu đáp thứ ba.
4. Từ câu “cho đến pháp kia chưa vĩnh viễn diệt” trở xuống, giải thích câu đáp thứ tư.

5. Từ câu “nếu chư Hữu học ở đây xứng với Loại mà hiểu rõ” trở xuống, giải thích câu đáp thứ năm.

Năm đoạn này đều là căn cứ theo giải thích câu đáp, không giải thích theo chỗ thỉnh nói tụng, gồm:

1. Thuyết minh nhiệm ô hoặc nhân hoặc quả.
2. Thuyết minh có thể đoạn các Thể của nhân nhiệm.
3. Thuyết minh Uẩn diệt vị của Tổng quả và Biệt quả.
4. Thuyết minh đối với hai Thọ không sinh mừng vui, đặc sáu thứ Hằng trụ chỉ có Vô học pháp, cuối cùng là Chung tận vị.
5. Thuyết minh chỗ làm nhiều sự của Dị loại chư Hữu học.

Trong bài tụng thứ nhất:

1. Giải thích câu thứ nhất, ba loại thế gian là chung thế gian, hai loại thế gian là biệt lập trong ba loại thế gian.

2. Từ câu “người thiện thuyết pháp là do có Minh” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “nếu chư tại gia khác loại với bạch y” trở xuống, giải thích ba câu sau.

Ba Hý luận gồm:

- 1.. Ba loại Ngôn sự.
- 2.. Bốn loại Ngôn thuyết.
- 3.. Tầm tứ ba loại Ngôn sự. Đó là pháp của ba đời.

Bốn loại ngôn thuyết là Kiến, Văn, Giác, Tri. Ngôn sự chỉ gọi là Hý luận, vì là Sở phân biệt. Nghịch thuận tư duy gọi là dính nhiệm, vì là Năng phân biệt, có thể tăng trưởng, có thể tùy tăng trưởng.

Trong đây từ câu “người ác thuyết pháp bị Vô minh che lấp” trở xuống, là giải thích câu thứ tư, ba câu đầu là Nhân, một câu này là Quả. Câu thứ nhất là Vô minh, câu thứ hai là Phóng dật, câu thứ ba là Thuận nghịch tư duy, là giải thích trong câu đáp thứ hai. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp” trở xuống, giải thích câu thứ nhất. Từ câu “như vậy Vô minh, Hý luận và Phóng dật” trở xuống, giải thích câu thứ hai. Từ câu “hoặc xuất thế gian là chỗ nhiếp của Chánh kiến” trở xuống, giải thích câu thứ tư. Từ câu “đối với Lưu lậu này hoặc ẩn nấp hoặc vĩnh viễn” trở xuống, giải thích câu thứ ba. Giải thích y theo nghĩa, thì bài tụng kể đó tùy theo văn được thuận tiện, trước và sau không đồng.

Trong giải thích câu đáp thứ ba, có hai phần:

1. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp và người tại gia” trở xuống là giải thích khắp hai phẩm nhiệm tịnh, hai loại sai biệt của Hiển liễu và Bất hiển liễu.

2. Từ câu “chữ A-la-hán ở đây đã hiển liễu” trở xuống là tổng giải thích ý của tụng. Đã Hiển liễu là A-la-hán. Xứng với Hiển liễu là chữ Hữu học.

Trong giải thích câu đáp thứ tư, cũng tổng giải thích ý tụng. Trong giải thích câu đáp thứ năm có bốn phần.

1. Từ câu “cho đến Sở tác của Uyỷ tất” trở xuống, giải thích câu thứ nhất, một là Thường sở tác, hai là Uyỷ tất sở tác. Hai loại này đáng làm thêm nữa, vì không phải sự Phóng dật, vì thông với Sở tác của tất cả Hữu học.

2. Từ câu “dị loại của Hữu học hoặc là chữ Hữu học” trở xuống, giải thích câu thứ hai, có hai lần giải thích, lần thứ nhất nói phần kết trên và dưới hợp chung gọi là tâm Nhiễm ô, Vô nhiễm tức là tâm Vô trước; lần thứ hai từ câu “lại nữa, đối với các Dục không đam nhiễm” trở xuống là giải thích riêng hai câu kết, không phối hợp với nghĩa Vô nhiễm và Vô trước.

3. Từ câu “lại nữa, đối với tất cả pháp Hữu khổ” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “tu tập như trước” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Đoạn thứ hai mươi mốt, trong giải thích sáu bài tụng, phân sáu đoạn:

1. Từ câu “như vậy tổng gọi chữ Dục ái vị” trở lên, giải thích bài tụng thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, tâm hy vọng kia” trở xuống, giải thích bài tụng thứ hai.

3. Từ câu “lại nữa, rấn độc” trở xuống, giải thích bài tụng thứ ba.

4. Từ câu “lại nữa, tự tánh của các Dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ tư.

5. Từ câu “lại nữa, đối với Sự dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ năm.

6. Từ câu “hoặc đối với các Dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ sáu.

“Các thứ châu báu v.v... gọi là Cộng tương ưng”, là đồng với số của bảy báu, tức là có thể trùng điệp lên, tất cả xứ đều dùng, ngược lại điều này thì gọi là Bất tương ưng. Từ đây trở xuống, trong tụng, ba bài tụng đầu thuyết minh chữ Hữu học quán Nhiễm xa lìa, ba bài tụng sau thuyết minh chữ Vô học quán Nhiễm vĩnh viễn dứt tuyệt.

Trong lược nghĩa, Sự dục gọi là Ái vị, Dục gọi là tội lỗi, đoạn hai thứ này gọi là Xuất ly; ba bài tụng đầu như thứ tự mà phối hợp; hai bài

tụng kệ nói Ái vị có thể làm tội lỗi; một bài tụng cuối là công đức Xuất ly.

Đoạn thứ hai mươi hai, trong một bài tụng rưỡi, văn phân làm ba đoạn:

1. Tổng giải thích ý tụng.

2. Từ câu “là có thể xả ly” trở xuống, riêng hiển năm sự Tương thuộc, giải thích văn tụng.

3. Từ câu “do năm tướng này” trở xuống, kết luận tu Phạm hạnh là cực thành hiền thiện.

“Các pháp của Sắc v.v... và An lập kia”, là Sở thuyên và Năng thuyên. Câu thứ nhất là pháp, câu thứ hai là Tỳ-bát-xá-na; nghĩa là câu thứ nhất là Học thành mãn, câu thứ hai là Phần vị. Quyển trước có năm đoạn, quyển này có hai mươi hai đoạn, hiện tại trong Thành luận nghị có hai mươi bảy đoạn. Trong thể nghĩa Đà-đà có ba phần, một bài tụng cuối này là đoạn thứ ba, lấy mười bốn môn kết với nghĩa của tụng trên làm Luận nghị để thuyết minh Thể nghĩa của Đà-đà, gọi là Luận nghị.

-----

